TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuân Mai
2. Ông Nguyễn Lơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa - tỉnh Khánh Hòa *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 801/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25A/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1975
Trú tại: Thôn V, xã Q, thị xã H, tỉnh H.
Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn T - Sinh năm: 1975
Trú tại: Thôn V, xã Q, thị xã H, tỉnh H.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện; bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hiền trình bày:

Bà và ông Nguyễn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã H, tỉnh H và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/9/2005. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không thể chung sống với nhau. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn T có 02 (Hai) con chung Nguyễn Hùng P – Sinh ngày 05/7/1997 và Nguyễn Thị Diễm T – Sinh ngày 22/02/2000 đã trưởng thành nên bà Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Nguyễn T để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông T không có mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 35, Điều 48, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân. Tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về con chung, Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn T có 02 (Hai) con chung Nguyễn Hùng P – Sinh ngày 05/7/1997 và Nguyễn Thị Diễm T – Sinh ngày 22/02/2000 đã trưởng thành nên bà Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Nguyễn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Nguyễn Thị H và bị đơn ông Nguyễn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh T đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã H, tỉnh H trên tinh thần tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 14/9/2005. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn, quá trình vợ chồng chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng do vậy mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên vợ chồng không thể chung sống với nhau. Nay bà H không còn tình cảm với ông T nữa nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T đã được Tòa án đã triệu tập nhiều lần để Tòa lấy lời khai, hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt. Xét thấy, bà H đã không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích

hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn H và ông Nguyễn T có 02 (Hai) con chung Nguyễn Hùng P – Sinh ngày 05/7/1997 và Nguyễn Thị Diễm T – Sinh ngày 22/02/2000 đã trưởng thành nên bà Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56; 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn T có 02 (Hai) con chung Nguyễn Hùng P – Sinh ngày 05/7/1997 và Nguyễn Thị Diễm T – Sinh ngày 22/02/2000 đã trưởng thành nên bà Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005389 ngày 15/11/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã Ninh Quang;
- Các đương sự;
- Lưu

Huỳnh Thị Nguyệt

.